TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thanh Hoàn và bà Đoàn Phương Thảo

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023. Tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Nơi đăng ký thường trú: khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: số 177, đường T, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Phú V, sinh năm 1978

Nơi đăng ký thường trú: khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: số 177, đường T, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, bản trình bày ngày 02/12/2022 và bản tự khai ngày 30/01/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phú V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống. Mặt khác, do anh V hay uống rượu và chửi bới xúc phạm chị T nặng nề, thậm trí đã có lần dùng vũ lực với chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể kéo dài được nữa. Do vậy, chị T thấy mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Phú V.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phú V có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/12/2002 và Nguyễn Đôn Phú B, sinh ngày 15/6/2006. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phú B cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Quỳnh A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Phú V không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phú V đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh V vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại khu 3, phường H, thành phố M được biết: sau khi kết hôn chị T và anh V sinh sống cùng mẹ đẻ anh V ở số 177, đường T, khu 3, phường H, thành phố M. Nhưng khoảng giữa năm 2022 chị T ra ngoài thuê nhà không sinh sống cùng anh V nữa, còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được. Về con chung chị T và anh V có 02 con chung đều đã lớn, chị T là người đóng tiền học cho các con.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Phú V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị T có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không T hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T; về con chung: giao cháu Nguyễn Đôn Phú B cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo qui định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có đăng ký thường trú tại khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số 177, đường T, khu 3, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Phú V đã được Tòa án nhân dân thành phố M tống đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt chị T và anh V theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Phú V kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị T, anh V trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được chị T và anh V đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay, cắt đứt quan hệ với nhau. Anh V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh V không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phú V có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/12/2002 và Nguyễn Đôn Phú B, sinh ngày 15/6/2006. Hiện nay cháu Phú B đang học lớp 11A3 trường Cao Đẳng công nghiệp và xây dựng Uông Bí ở cùng ông ngoại và cậu mợ tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, còn phù hợp với nguyện vọng của cháu Phú B. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Đôn Phú B cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Còn cháu Quỳnh A đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị T nên cần chấp nhận.

[6] Anh Nguyễn Phú V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phú V.

2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Đôn Phú B, sinh ngày 15/6/2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Phú V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007696, ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố M;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường T, TP. M;
- Lưu HS vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương